

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
  - Mã chứng khoán: HID
  - Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ: 024 3562 4709
  - Email: info@halcom.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2023.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày /06/2024 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
Báo cáo tài chính năm tài chính  
2023.

NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Minh Lưu

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/03/2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 44

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban
Bà Trần Bắc Mỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên

#### Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Lan	Bổ nhiệm từ ngày 10/07/2023
Bà Bùi Thị Xuyên	Miễn nhiệm từ ngày 10/07/2023

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/03/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/03/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Nguyễn Quang Huân**

**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024*

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 06 năm 2024, từ trang 6 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/03/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam tại ngày 31/03/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại Báo cáo kiểm toán số 402/BCTC/TC/NV8 ngày 28/06/2023.



*Ngô Anh Dũng*

---

**Lê Quang Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*

---

**Ngô Anh Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024*

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31/03/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>266.240.342.089</b>	<b>269.640.459.423</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	192.431.713	611.023.437
Tiền	111		192.431.713	611.023.437
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		262.313.904.604	265.247.498.773
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	129.613.262.298	60.181.835.304
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	128.540.619.768	176.019.085.913
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.500.000.000	13.594.085
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	996.406.428	29.369.367.361
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(336.383.890)	(336.383.890)
Hàng tồn kho	140	9	3.222.024.352	3.352.297.796
Hàng tồn kho	141		3.222.024.352	3.352.297.796
Tài sản ngắn hạn khác	150		511.981.420	429.639.417
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	195.181.925	112.839.922
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	316.799.495	316.799.495
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>595.065.028.715</b>	<b>630.032.289.675</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.364.401.000	40.423.041.505
Phải thu dài hạn khác	216	8	40.364.401.000	40.423.041.505
Tài sản cố định	220		2.307.534.029	2.771.497.181
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.307.534.029	2.771.497.181
- Nguyên giá	222		6.320.518.961	6.320.518.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.012.984.932)	(3.549.021.780)
Tài sản dở dang dài hạn	240		42.873.473.291	53.380.450.214
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	42.873.473.291	53.380.450.214
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	509.272.896.630	532.698.210.280
Đầu tư vào công ty con	251		489.583.957.547	357.700.750.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		41.000.000.000	165.797.460.280
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	9.200.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.311.060.917)	-
Tài sản dài hạn khác	260		246.723.765	759.090.495
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	246.723.765	759.090.495
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>861.305.370.804</b>	<b>899.672.749.098</b>



Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**

Tại ngày 31/03/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/04/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>77.468.440.397</b>	<b>116.096.400.140</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>77.468.440.397</b>	<b>113.096.400.140</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.658.349.074	22.806.723.108
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	2.017.109.421	1.979.370.694
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.154.135.570	1.156.393.214
Phải trả người lao động	314		1.793.979.828	3.536.131.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	860.044.458	1.002.975.965
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	530.661.444	3.448.059.445
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	60.372.699.121	79.085.284.291
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.081.461.481	81.461.481
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	-	3.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>783.836.930.407</b>	<b>783.576.348.958</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>783.836.930.407</b>	<b>783.576.348.958</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(58.859.397)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.668.087.403	13.407.505.954
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.407.505.954	26.214.772.094
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.260.581.449	(12.807.266.140)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>861.305.370.804</b>	<b>899.672.749.098</b>

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	204.573.959.560	159.519.399.063
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>204.573.959.560</b>	<b>159.519.399.063</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	185.689.245.185	152.226.539.507
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>18.884.714.375</b>	<b>7.292.859.556</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	39.657.673.541	3.663.958.249
Chi phí tài chính	22	23	28.966.758.771	6.452.354.199
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.254.526.187	5.724.009.785
Chi phí bán hàng	25	24	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	24.585.336.334	17.014.749.594
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.990.292.811</b>	<b>(12.510.285.988)</b>
Thu nhập khác	31	26	56.924.928	11.500
Chi phí khác	32	27	2.786.636.290	296.991.652
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2.729.711.362)</b>	<b>(296.980.152)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.260.581.449</b>	<b>(12.807.266.140)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.260.581.449</b>	<b>(12.807.266.140)</b>

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.260.581.449</b>	<b>(12.807.266.140)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	463.963.152	463.963.152
Các khoản dự phòng	03	21.311.060.917	-
Lãi hoạt động đầu tư	05	(39.657.673.541)	(3.663.958.249)
Chi phí lãi vay	06	6.254.526.187	5.724.009.785
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>(9.367.541.836)</b>	<b>(10.283.251.452)</b>
<b>trước thay đổi vốn lưu động</b>			
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	87.490.973.576	(158.813.355.076)
Giảm hàng tồn kho	10	130.273.444	787.604.840
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.049.658.087)	(19.774.194.328)
Giảm chi phí trả trước	12	421.392.907	703.437.383
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.209.076.765)	(5.688.483.469)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(778.808.562)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(57.880.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>64.416.363.239</b>	<b>(193.904.931.164)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(182.844.000)	(27.737.212.330)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.260.193.421)	(9.230.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.713.741.354	22.812.649.099
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(149.170.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	109.522.750.000	9.800.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	254.176.274	42.423.466
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(43.122.369.793)</b>	<b>(4.312.139.765)</b>

Mẫu số B03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	180.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		199.052.962.093	150.634.157.070
Tiền trả nợ gốc vay	34		(220.765.547.263)	(132.538.747.907)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(21.712.585.170)</b>	<b>198.095.409.163</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(418.591.724)</b>	<b>(121.661.766)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>611.023.437</b>	<b>732.685.203</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>192.431.713</b>	<b>611.023.437</b>

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 16/11/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 31/03/2024 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

- Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 31/03/2024 là 33 người (tại ngày 31/03/2023 là 32 người).

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/03/2024, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

*Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:*

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Xây dựng	96,88%	96,88%
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành (**)	Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	93,61%	93,61%
Công ty Cổ phần VSED	Thanh Xuân, Hà Nội	Thẩm tra, thiết kế, tư vấn, giám sát	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình (1)	Đồng Hới, Quảng Bình	Sản xuất điện	0,00%	96,15%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (2)	Phụng Hiệp, Hậu Giang	Sản xuất điện	0,00%	98,00%

(1) Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021 với số vốn điều lệ 130 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 96,15%, ông Vũ Mạnh Tuấn góp 3,08% và ông Hoàng Quốc Anh góp 0,77% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 20-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 13/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 96,15% vốn điều lệ tương ứng 125 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/03/2024, chưa có cổ đông nào thực hiện góp vốn.

(2) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam góp 98%, ông Nguyễn Việt Dũng góp 1% và ông Phùng Ngọc Sơn góp 1% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 24-2021/NQ-HĐQT/HALCOM ngày 30/8/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam, Công ty sẽ góp 98% vốn điều lệ tương ứng 98 tỷ đồng để thành lập Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/03/2024, chưa có cổ đông nào thực hiện góp vốn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

*Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:*

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội (*)	Phù Cát, Bình Định	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	39,42%	39,42%

*Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm liên quan tới các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết:*

(\*) Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch bán thành công 4.100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội giảm từ 78,85% xuống 39,42%, Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội từ Công ty con trở thành Công ty liên kết của Công ty từ ngày 26/03/2024.

(\*\*) Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch mua thành công 6.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành tăng từ 48,78% lên 93,61%, Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành từ Công ty liên kết trở thành Công ty con của Công ty từ ngày 06/10/2023.

#### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính năm nay.

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024.

#### 2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

**3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Đầu tư vào Công ty con (tiếp)*

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iv) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

#### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối năm.

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

### 3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

#### 3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

#### 3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

**3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,...

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 3.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

#### 3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

#### 3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### 3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong năm tài chính được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	19.234.058	11.564.358
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	173.197.655	599.459.079
<b>Cộng</b>	<b>192.431.713</b>	<b>611.023.437</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****5.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	489.583.957.547	(21.311.060.917)		357.700.750.000
+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	186.000.000.000	-	(*)	125.000.000.000 (*)
+ Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	-	-	(*)	82.000.000.000 (*)
+ Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	150.100.750.000	(21.311.060.917)	(*)	150.100.750.000 (*)
+ Công ty Cổ phần VSED	600.000.000	-	(*)	600.000.000 (*)
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152.883.207.547	-	(*)	- (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	41.000.000.000	-	(*)	165.797.460.280 (*)
+ Công ty Cổ phần Hal Invest	-	-	-	40.000.000.000 (*)
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	-	-	67.863.207.547 (*)
+ Công ty Cổ phần Điện mặt trời VKT - Hòa An	-	-	-	57.934.252.733 (*)
+ Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	41.000.000.000	-	(*)	- (*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	9.200.000.000 (*)
+ Công ty Cổ phần DTCCOM	-	-	(*)	9.200.000.000 (*)
<b>Cộng</b>	<b>530.583.957.547</b>	<b>(21.311.060.917)</b>		<b>532.698.210.280</b>

(\*) Tại ngày 31/03/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)**

Tóm tắt tình hình các Công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cầu Thơ	Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	96,88%	96,88%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cầu Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2024. Vốn điều lệ 192 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	51,00%	51,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/04/2022. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.
Công ty Cổ phần VSED	Thanh Xuân, Hà Nội	60,00%	60,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/07/2017. Vốn điều lệ 1 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Thẩm tra, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tư vấn giám sát thi công các dự án.
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/03/2019. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)**

Tóm tắt tình hình Công ty liên kết:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	39,42%	39,42%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/07/2021. Vốn điều lệ 104 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ông Nguyễn Việt Nam	52.480.000.000	-	-	-
- Ông Vũ Mạnh Tuấn	28.685.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Nội thất An Thuận Phát	-	-	25.043.993.480	-
- Công ty Cổ phần DTCCOM	9.770.883.047	-	10.370.751.047	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	8.277.325.280	-	-	-
- BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị Hồng Hà	6.088.029.085	-	6.851.233.523	-
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng	1.072.014.146	-	2.672.014.146	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	4.119.044.453	-	5.997.350.463	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Quốc tế Trịnh Gia	395.668.615	-	4.088.662.119	-
- Các đối tượng khác	17.458.329.686	(336.383.890)	3.890.862.540	(336.383.890)
<b>Cộng</b>	<b>129.613.262.298</b>	<b>(336.383.890)</b>	<b>60.181.835.304</b>	<b>(336.383.890)</b>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30.3***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An (*)	114.894.351.257	-	161.814.651.163	-
- Công ty Cổ phần Gia Tuấn Hưng Yên	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	646.268.511	-	1.204.434.750	-
<b>Cộng</b>	<b>128.540.619.768</b>	<b>-</b>	<b>176.019.085.913</b>	<b>-</b>

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.3*

(\*) Là khoản ứng trước theo hợp đồng số 175/2022/HAL-TTA ký ngày 17/05/2022 về việc thi công xây dựng dự án “Hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội”.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	996.406.428	-	29.369.367.361	-
- Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	626.668.110	-	577.274.023	-
- Phải thu khác	351.738.318	-	28.774.093.338	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư TPP Việt Nam	-	-	28.640.000.000	-
+ Các đối tượng khác	351.738.318	-	134.093.338	-
b) Dài hạn	40.364.401.000	-	40.423.041.505	-
- Ký cược, ký quỹ	364.401.000	-	423.041.505	-
- Phải thu khác	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (*)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.360.807.428</b>	<b>-</b>	<b>69.792.408.866</b>	<b>-</b>

**Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.3**

(\*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019:

- Tên dự án và địa điểm xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại thôn Tân Long, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam
- Tổng mức đầu tư: 200 tỷ đồng (Vốn tự có; 30 tỷ đồng, vốn huy động khác 170 tỷ đồng)
- Bên được ủy quyền hợp tác đầu tư: Công ty Cổ phần An Lạc Sơn
- Diện tích đất sử dụng: 4.020 m<sup>2</sup>
- Thời gian hợp tác kinh doanh: 20 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi hai bên có thỏa thuận khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

Theo công văn số 3801/STNMT-QLĐĐ ngày 27/9/2023 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Phúc về việc báo cáo kết quả xác minh việc chồng lấn diện tích đất của Công ty Halcom với Vườn quốc gia Tam Đảo thì Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai đến ngày 20/10/2020. Sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều chỉnh các khu vực chồng lấn ra khỏi quy hoạch vườn Quốc gia Tam Đảo, dự án Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động của Công ty Halcom được UBND tỉnh xem xét gia hạn tiến độ sử dụng đất, điều chỉnh dự án đầu tư, đồng thời Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định thì sẽ được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.222.024.352	-	3.352.297.796	-
+ HĐ43/2013-Lập thiết kế bản vẽ TC và TĐT dự toán chi tiết hạ tầng KT dự án khu ĐTM phía Nam TP Bắc Giang	-	-	778.977.599	-
+ Gói khảo sát KTXH, cam kết đầu nối nước thải Hà Đông, Sơn Tây-HD số 12/TV/HD-ST Ngày 26.12.2011	1.003.332.851	-	1.003.332.851	-
+ TVGS_Phat triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21 Tín dụng No.3590-VIE, HD số HU-CS01	970.567.049	-	764.948.955	-
+ Các hợp đồng khác	1.248.124.452	-	805.038.391	-
<b>Cộng</b>	<b>3.222.024.352</b>	<b>-</b>	<b>3.352.297.796</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
- DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (1)	33.704.542.568	31.296.499.598
- Dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 923m thuộc huyện Phong Điền, và Quận Ô Môn - TP Cần Thơ theo hình thức đối tác công tư	-	6.383.048.008
- Dự án Phương Mai 3 - Resort (2)	6.597.490.470	6.567.377.358
- Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1 (3)	862.071.947	2.237.730.373
- DA Đầu tư XD Nhà máy Điện Gió Phú Yên	-	2.440.417.685
- Các dự án khác	1.709.368.306	4.455.377.192
<b>Cộng</b>	<b>42.873.473.291</b>	<b>53.380.450.214</b>

- (1) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.
- (2) Dự án khu nghỉ dưỡng Phương Mai 3 thuộc địa bàn xã Cát Tiến và Cát Chánh, huyện Phù Cát tỉnh Bình Định có diện tích 122 ha. Phê duyệt quy hoạch dự án: Quý 4/2022, Quyết định chủ trương đầu tư Quý 1/2023, khởi công Quý 2/2023, hoàn thành Quý 3/2025. Tổng mức đầu tư 5.500 tỷ đồng.
- (3) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1: công suất 200 MWh, thuộc xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Năm 2019, UBND tỉnh Quảng Bình cấp chủ trương cho Halcom khảo sát tiềm năng điện gió gần bờ tại Quảng Bình theo văn bản số 3525/VPUBND-KT của UBND tỉnh Quảng Bình ngày 26 tháng 9 năm 2019. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 5.500 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2024	01/04/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>195.181.925</b>	<b>112.839.922</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	22.435.000	53.394.632
- Chi phí mua bảo hiểm	70.299.678	-
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	90.060.000	31.140.000
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn	12.387.247	28.305.290
<b>b) Dài hạn</b>	<b>246.723.765</b>	<b>759.090.495</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ ph.	1.172.727	48.699.345
- Chi phí đào tạo cho Viện Malik	186.737.413	708.142.345
- Công cụ dụng cụ phân bổ	58.813.625	2.248.805
<b>Cộng</b>	<b>441.905.690</b>	<b>871.930.417</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/04/2023	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
31/03/2024	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/04/2023	(105.684.416)	(3.428.256.230)	(15.081.134)	(3.549.021.780)
- Khấu hao trong năm	-	(453.147.996)	(10.815.156)	(463.963.152)
31/03/2024	(105.684.416)	(3.881.404.226)	(25.896.290)	(4.012.984.932)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/04/2023	-	2.754.132.860	17.364.321	2.771.497.181
31/03/2024	-	2.300.984.864	6.549.165	2.307.534.029

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/03/2024 là 1.756.693.506 đồng (tại ngày 01/04/2023 là 1.756.693.506 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 2.300.984.864 đồng (tại ngày 01/04/2023 là 2.754.132.860 đồng)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Áng Dương	4.116.390.877	4.116.390.877	884.572.538	884.572.538
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Nguyễn Hiếu	-	-	8.120.343.550	8.120.343.550
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Huy Phúc	54.514.096	54.514.096	7.621.047.362	7.621.047.362
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	1.487.444.101	1.487.444.101	4.230.314.096	4.230.314.096
- Các đối tượng khác			1.950.445.562	1.950.445.562
<b>Cộng</b>	<b>5.658.349.074</b>	<b>5.658.349.074</b>	<b>22.806.723.108</b>	<b>22.806.723.108</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.3*

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	827.879.000	827.879.000	827.879.000	827.879.000
- Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp các Đô thị động lực - Thành phố Hải Dương	392.749.422	392.749.422	392.749.422	392.749.422
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II	347.246.927	347.246.927	355.351.727	355.351.727
- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào	287.627.192	287.627.192	403.390.545	403.390.545
- Các đối tượng khác	161.606.880	161.606.880	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.017.109.421</b>	<b>2.017.109.421</b>	<b>1.979.370.694</b>	<b>1.979.370.694</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/04/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	657.206.884	3.103.717.508	360.011.870	3.400.912.522
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	483.304.871	1.952.514.803	1.694.452.708	741.366.966
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	812.160	812.160	-
- Các loại thuế khác	15.881.459	-	4.025.377	11.856.082
	<b>1.156.393.214</b>	<b>5.057.044.471</b>	<b>2.059.302.115</b>	<b>4.154.135.570</b>
	01/04/2023	Số đã nộp trong năm	Số đã được quyết toán bù trừ	31/03/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.799.495	-	-	316.799.495
	<b>316.799.495</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>316.799.495</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/03/2024		01/04/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	60.372.699.121	60.372.699.121	202.052.962.093	220.765.547.263
- Vay ngắn hạn	57.372.699.121	57.372.699.121	199.052.962.093	220.765.547.263
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Cầu Giấy (1)	50.372.699.121	50.372.699.121	182.902.962.093	189.615.547.263
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	3.000.000.000
+ Ông Nguyễn Hoàng Ánh (2)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC (3)	3.100.000.000	3.100.000.000	-	1.900.000.000
+ Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung (4)	2.100.000.000	2.100.000.000	16.150.000.000	25.550.000.000
+ Ông Võ Trục Điền (5)	800.000.000	800.000.000	-	700.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-
+ Bà Nguyễn Kiều Linh (6)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-
+ Bà Nguyễn Kiều Linh (6)	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.372.699.121</b>	<b>60.372.699.121</b>	<b>202.052.962.093</b>	<b>223.765.547.263</b>
				<b>Giá trị</b>
				<b>Số có khả năng</b>
				<b>trả nợ</b>
				<b>VND</b>
				<b>VND</b>
				<b>79.085.284.291</b>
				<b>79.085.284.291</b>
				<b>57.085.284.291</b>
				<b>3.000.000.000</b>
				<b>1.000.000.000</b>
				<b>5.000.000.000</b>
				<b>11.500.000.000</b>
				<b>1.500.000.000</b>
				<b>82.085.284.291</b>

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/135099/HĐTD ngày 20/09/2023, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 70.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ của Công ty tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng cụ thể và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/135099/HĐTD ngày 03/08/2023. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Ánh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng mới nhất số 04 gia hạn khoản vay đến 15/12/2024 và điều chỉnh lãi suất xuống 10%/năm từ 16/12/2023 - 15/12/2024.

(3) Hợp đồng vay số 1611/2020/HĐVT ngày 16/11/2020 với Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC giá trị 5.000.000.000 VND, thời hạn vay từ ngày nhận tiền đến ngày 31/01/2021 với lãi suất 7%/năm. Phụ lục hợp đồng vay tiền ngày 31/01/2021 gia hạn thời hạn vay đến hết ngày 31/05/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (4) Khoản vay với Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung theo các khế ước nhận nợ trong năm, mục đích vay thanh toán các khoản chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất áp dụng khoản vay 10%/năm. Thời hạn vay từng khế ước: 3 tháng.
- (5) Hợp đồng vay cá nhân Ông Võ Trục Điền:
- Hợp đồng vay tiền số: 1612/2020/HĐVT ngày 04/11/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay đến 28/02/2023. Tại 31/3/2024 khoản vay đã được hoàn trả hết cho ông Võ Trục Điền.
  - Hợp đồng vay tiền số: 0612/2021/HĐVT ngày 06/12/2021 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền, lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay đến 05/12/2023. Tại 31/3/2024, khoản gốc vay còn phải trả là 800.000.000 VND.
  - (6) Hợp đồng vay số 83/HĐVT ngày 08/03/2022 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 13,5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/04/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	114.594.809	35.526.316
- Các chi phí khác	745.449.649	967.449.649
<b>Cộng</b>	<b>860.044.458</b>	<b>1.002.975.965</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/04/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Kinh phí công đoàn	100.299.589	136.025.255
- Các khoản chi phí bảo hiểm	296.401.131	308.376.973
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	133.960.724	3.003.657.217
+ Cục Thuế TP Hà Nội	-	2.606.172.462
+ Các khoản phải trả khác	133.960.724	397.484.755
<b>Cộng</b>	<b>530.661.444</b>	<b>3.448.059.445</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/04/2022	587.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	26.214.772.094	616.383.615.098	-	180.000.000.000	(12.807.266.140)	783.576.348.958	-	-
- Tăng vốn trong năm trước	180.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/03/2023	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.407.505.954	783.576.348.958	-	180.000.000.000	(12.807.266.140)	783.576.348.958	-	-
01/04/2023	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.407.505.954	783.576.348.958	-	180.000.000.000	(12.807.266.140)	783.576.348.958	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.260.581.449	2.260.581.449	-	-	-	2.260.581.449	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	-	-	(2.000.000.000)	-	-
31/03/2024	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	13.668.087.403	783.836.930.407	-	180.000.000.000	(12.807.266.140)	783.836.930.407	-	-

(\*) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 ngày 04/10/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/03/2024		01/04/2023	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
+ Ông Nguyễn Quang Huân	204.648.720.000	26,66%	204.648.720.000	26,66%
+ Bà Bùi Thị Xuyên	40.000.000.000	5,21%	40.000.000.000	5,21%
+ Bà Trần Bắc Mỹ	40.000.000.000	5,21%	40.000.000.000	5,21%
+ Bà Vũ Thị Bích Liên	40.000.000.000	5,21%	40.000.000.000	5,21%
+ Các cổ đông khác	443.001.600.000	57,71%	443.001.600.000	57,71%
	<b>767.650.320.000</b>	<b>100%</b>	<b>767.650.320.000</b>	<b>100%</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
+ Vốn góp đầu năm	767.650.320.000	587.650.320.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	180.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4 CỔ PHIẾU**

	31/03/2024 CP	01/04/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu bán hàng	175.788.543.657	149.702.683.375
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.785.415.903	9.816.715.688
<b>Cộng</b>	<b>204.573.959.560</b>	<b>159.519.399.063</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	171.848.987.193	144.882.493.453
- Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ	13.840.257.992	7.344.046.054
<b>Cộng</b>	<b>185.689.245.185</b>	<b>152.226.539.507</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	254.176.274	461.958.249
- Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời VKT Hòa An	14.498.497.267	-
- Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hal Invest	9.720.000.000	-
- Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	11.480.000.000	-
- Lãi bán các khoản đầu tư khác	3.705.000.000	3.202.000.000
<b>Cộng</b>	<b>39.657.673.541</b>	<b>3.663.958.249</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	6.254.526.187	5.724.009.785
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	21.311.060.917	-
- Chi phí tài chính khác	1.401.171.667	728.344.414
<b>Cộng</b>	<b>28.966.758.771</b>	<b>6.452.354.199</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	5.199.127.500	7.499.899.077
- Chi phí đồ dùng văn phòng	146.231.162	318.933.191
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.963.152	463.963.152
- Thuế, phí và lệ phí	3.812.160	35.746.128
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.903.091.487	7.918.483.524
- Chi phí bằng tiền khác	12.869.110.873	777.724.522
<b>Cộng</b>	<b>24.585.336.334</b>	<b>17.014.749.594</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	146.231.162	-
- Chi phí nhân công	17.072.649.240	11.939.562.168
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.963.152	463.963.152
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.963.897.146	11.141.799.687
- Thuế phí	3.812.160	-
- Chi phí bằng tiền khác	13.644.768.022	813.470.650
<b>Cộng</b>	<b>38.295.320.882</b>	<b>24.358.795.657</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thu nhập từ tháo dỡ và thanh lý cột đo gió	47.345.455	-
- Các khoản khác	9.579.473	11.500
<b>Cộng</b>	<b>56.924.928</b>	<b>11.500</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý nhượng bán cột đo gió	2.732.090.909	-
- Tiện chậm nộp thuế, bảo hiểm	54.545.381	292.560.150
- Các khoản chi phí khác	-	4.431.502
<b>Cộng</b>	<b>2.786.636.290</b>	<b>296.991.652</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.260.581.449	(12.807.266.140)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.916.283.633	5.852.191.188
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	2.916.283.633	5.852.191.188
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	5.176.865.082	(6.955.074.952)
Chuyển lỗ	(5.176.865.082)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)**

Công ty được phép chuyển toàn bộ và liên tục các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai với chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến 31/03/2024	Lỗ chưa kết chuyển tại 31/03/2024
		VND	VND	VND
2022	2027	(6.955.074.952)	5.176.865.082	(1.778.209.870)
		<b>Tổng</b>	<b>5.176.865.082</b>	

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

**30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**30.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan cá nhân**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

**Danh sách các bên liên quan tổ chức**

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần VSED	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom -Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty liên kết

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần VSED	281.760.000	873.440.741
Bà Vũ Thị Minh Hằng	249.455.556	96.600.000
Ông Nguyễn Tiến Hân	104.566.668	100.898.016
Bà Lê Kim Anh	1.094.893.704	319.290.000
	<b>1.730.675.928</b>	<b>1.390.228.757</b>
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	553.030.299	553.030.299
	<b>553.030.299</b>	<b>553.030.299</b>
<b>Doanh thu tài chính</b>		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	85.150.684	38.479.452
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	162.422.587	408.486.930
	<b>247.573.271</b>	<b>446.966.382</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	394.479.451	433.561.645
	<b>394.479.451</b>	<b>433.561.645</b>

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>3.063.981.582</b>	<b>3.236.971.565</b>
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch	2.600.000.000	2.497.953.571
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	367.981.582	643.017.994
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên	96.000.000	96.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>1.084.621.827</b>	<b>875.239.210</b>
Ông Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban	550.391.173	558.445.022
Bà Trần Bắc Mỹ	Thành viên	180.430.654	125.721.460
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	353.800.000	191.072.728
<b>Những người quản lý khác</b>		<b>3.536.845.407</b>	<b>4.278.353.195</b>
- Số người		11	17
- Tiền lương trung bình/người/tháng		34.338.305	33.424.634
<b>Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị và những người quản lý khác</b>		<b>7.685.448.816</b>	<b>9.299.227.831</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**30.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	31/03/2024 VND	01/04/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	50.000.000	-
	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khác</b>		
- Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	30.058.000	27.058.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	162.275.318	-
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	21.319.000	21.319.000
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom -Quảng Bình	11.753.000	8.753.000
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	11.753.000	8.753.000
	<b>237.158.318</b>	<b>65.883.000</b>
<b>Phải thu về cho vay</b>		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	3.500.000.000	13.594.085
	<b>3.500.000.000</b>	<b>13.594.085</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần VSED	126.080.000	52.800.000
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	-	84.794.521
- Bà Vũ Thị Minh Hằng	-	96.600.000
- Bà Lê Kim Anh	489.555.000	-
	<b>615.635.000</b>	<b>234.194.521</b>
<b>Chi phí phải trả</b>		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	79.068.493	-
	<b>79.068.493</b>	<b>-</b>

**31. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2023 của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



M.S.D.N: 0101143819

Nguyễn Quang Huân